

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày 09-6-2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Văn
2. Bà Trần Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc: “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm: 1971. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Bà G, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà G là bà K, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Số 11 hẻm đường N, khu phố 4, phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông K1, sinh năm: 1961. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

2. Ông V, sinh năm: 1972. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà T trình bày: Bà và ông V có cho bà G và ông K1 vay số tiền 340.000.000 đồng để làm vốn mua bán lúa, lãi suất hai bên thỏa thuận 0,2%/tháng, thời gian vay là một tháng thì bên bà G, ông K1 phải trả vốn và lãi cho bà và ông V. Số tiền 340.000.000 đồng bà và ông V cho bà G và ông K1 vay 2 lần cụ thể: Lần 1: Ngày 6 tháng 3 năm 2021 (âm lịch) là 40.000.000 đồng; Lần 2: Ngày 29 tháng 3 năm 2021 (âm lịch) là 300.000.000 đồng. Đúng ngày 29-4-2021 (âm lịch) bà G có trả cho bà và ông V tiền lãi mà không trả tiền vốn. Lúc này bà G hẹn đến tháng 5 năm 2021 (âm lịch) sẽ trả đủ vốn và lãi cho bà và ông V, nhưng đúng hạn thì bà có đến yêu cầu bà G trả vốn và lãi cho bà và ông V thì bà G nói chỉ nợ bà và ông V số tiền 240.000.000 đồng muốn lấy 240.000.000 đồng thì bà G trả cho nên bà không đồng ý.

Nay bà yêu cầu bà G và ông K1 có nghĩa vụ trả bà và ông V số tiền nợ gốc là 340.000.000 đồng và yêu cầu ông K1 với bà G có nghĩa vụ trả lãi theo quy định của pháp luật tạm tính từ ngày 29-5-2021 (âm lịch) đến ngày 29-02-2022 (âm lịch tức là ngày 31-3-2022 dương lịch) là 09 tháng x 0,83%/tháng x 340.000.000 đồng thành tiền là 25.398.000 đồng; yêu cầu trả tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến ngày giải quyết xong vụ án.

Tại biên bản hoà giải giải không được ngày 12-4-2022, bị đơn là bà G và người đại diện theo ủy của bị đơn bà K trình bày: Bà G thừa nhận có nợ bà T và ông V số tiền vốn là 365.398.000 đồng. Bà G đồng ý trả cho bà T và ông V số tiền 365.398.000 đồng nhưng bà G xin trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Việc bà G mượn tiền ông V bà T là để làm vốn buôn bán lúa xoay sở trong gia đình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông V đồng ý theo trình bày và yêu cầu của bà T.

Tại biên bản làm việc ngày 19 tháng 4 năm 2022 ông K1 trình bày: Ông Thừa nhận có nợ bà T ông V số tiền 240.000.000 đồng và có nghĩa vụ trả 240.000.000 đồng. Ông và bà G mượn tiền ông V bà T là để làm vốn buôn bán lúa xoay sở trong gia đình. Số tiền 340.000.000 đồng là do bà T sửa số 240.000.000 đồng thành số 340.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của các đương sự theo quy định Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T và ông V đối với bà G và ông K1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[2] Bà T và ông V có cho bà G và ông K1 vay số tiền 340.000.000 đồng để làm vốn mua bán lúa, lãi suất hai bên thỏa thuận 0,2%/tháng, thời gian vay là một tháng thì bên bà G, ông K1 phải trả vốn và lãi cho bà T và ông V. Số tiền 340.000.000 đồng bà T và ông V cho bà G và ông K1 vay 2 lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 6 tháng 3 năm 2021 (âm lịch) là 40.000.000 đồng;

Lần 2: Ngày 29 tháng 3 năm 2021 (âm lịch) là 300.000.000 đồng.

Đúng ngày 29-4-2021 (âm lịch) bà G có trả cho bà T và ông V tiền lãi mà không trả tiền vốn và bà G hẹn đến tháng 5 năm 2021 (âm lịch) sẽ trả đủ vốn và lãi cho bà T và ông V, nhưng đúng hẹn thì bà T có đến yêu cầu bà G trả vốn và lãi cho bà T và ông V nhưng bà G chỉ thừa nhận nợ bà T và ông V số tiền 240.000.000 đồng và có yêu cầu giám định có sự sửa chữa số 240.000.000 đồng thành 340.000.000 đồng; Tại bản kết luận giám định ngày 28-02-2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tây Ninh kết luận chữ số 3 không có sửa chữa (bút lục 40); Qua làm việc tại biên bản hoà giải không được ngày 12-4-2022 bà G thừa nhận có nợ bà T và ông V cả tiền vốn và lãi là 365.398.000 đồng và xin trả mỗi tháng 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ (bút lục 52); Cả bà G và ông K1 thừa nhận vay tiền bà T và ông V là để làm vốn buôn bán lúa không phải bà G tiêu xài cá nhân (bút lục 24,52); theo hợp vay tiền (giấy tay) chỉ ghi ngày tháng không ghi cụ thể năm nào và cũng không thỏa thuận lãi suất (bút lục 45) nhưng qua làm việc các đương sự thống nhất số tiền này vay vào năm 2021 (bút lục 26, 27, 28, 34, 50, 51, 52). Nay bà T và ông V yêu cầu bà G và ông K1 có nghĩa vụ trả bà T và ông V số tiền nợ gốc là 340.000.000 đồng và yêu cầu ông K1 với bà G có nghĩa vụ trả lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 29-5-2021 (âm lịch) đến ngày xét xử xong vụ án theo mức lãi suất 0,83%/tháng là có căn cứ chấp nhận. Tiền lãi được tính từ ngày 29-5-2021 (âm lịch) tức là ngày 08-7-2021 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09-6-2022 là 11 tháng 01 ngày x 0,83%/tháng x 340.000.000 đồng = 31.136.000 đồng. Vậy cả tiền vốn và tiền lãi mà ông K1 và bà G có nghĩa vụ trả cho bà T và ông V là 371.136.000 đồng.

[2] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xét thấy tại thời điểm xét xử bà G, sinh năm 1970; ông K1, sinh năm 1961 là 61 tuổi nhưng qua làm việc ông K1 không có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do đó Hội đồng xét xử buộc ông K1 cùng bà G phải chịu theo quy định của pháp luật. Vậy tiền án phí mà bà G và ông K1 phải chịu là 18.556.000 đồng tiền án dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về chi phí giám định: Buộc bà G phải chịu 1.020.000 đồng. (ghi nhận bà G đã nộp xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà G và ông K1.

Buộc bà ĐặngThị G và ông K1 có nghĩa vụ trả cho bà T và ông V số tiền 371.136.000 (*Ba trăm bảy mươi một triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn*) đồng.

Kể từ ngày bà T và ông V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà G và ông K1 không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà G và ông K1 còn phải trả cho bà T và ông V số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà G và ông K1 phải chịu 18.556.000 đồng tiền án dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho bà T số tiền 9.135.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0023800 ngày 02-11-2021 và biên lai thu số 0024160 ngày 05-4-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

3. Về chi phí giám định: Buộc bà G phải chịu 1.020.000 đồng. (ghi nhận bà G đã nộp xong).

4. Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài